

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cẩm Thủy; Công văn số 1107/SXD-QH, ngày 23/2/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc ý kiến về 02 hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã: Cẩm Thạch, Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030.

Căn cứ quyết định số: 1671/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 88/TĐ-KTHT ngày 06/4/2022 (kèm theo Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND xã Cẩm Thạch).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Xã Cẩm Thạch nằm ở phía Tây Bắc của huyện Cẩm Thủy, cách trung tâm huyện 10 km.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Thạch, ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: giáp các xã Cẩm Thành, Cẩm Lương và Cẩm Bình huyện Cẩm Thủy;

+ Phía Nam: giáp xã Cẩm Châu huyện Cẩm Thủy và xã Thạch Lập huyện Ngọc Lặc;

+ Phía Đông: giáp xã Cẩm Bình huyện Cẩm Thủy;

+ Phía Tây: giáp xã Cẩm Liên huyện Cẩm Thủy.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Thạch có tổng diện tích là 2.182,14 ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Cẩm Thủy phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/7/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định hướng tới đạt và vượt các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao.

Kinh tế chủ đạo của địa phương là: Nông - Lâm kết hợp và có định hướng phát triển về du lịch (thắng cảnh chùa Rồng); Khu vực chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hoá, phát triển đàn gia súc, gia cầm gắn với phát triển kinh tế rừng; Vùng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến như: Chế biến thức ăn chăn nuôi, khai thác chế biến gỗ, dược liệu...;

Đồng thời là khu vực hỗ trợ cung cấp lao động cho các cụm công nghiệp của huyện và vùng lân cận (Cụm công nghiệp Cẩm Tú, CCN Cẩm Châu và CCN Cẩm

Son).

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng là 5.788 người;
- Dân số dự báo:
 - + Đến năm 2025 là 6.350 người;
 - + Đến năm 2030 là 7.000 người.

3.1.2. Quy mô lao động

Dự báo lao động đến năm 2025 là 3.810 người; đến năm 2030 là 4.200 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.2.1. Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$;
(*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$;
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;

- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện ≥ 150 W/người/ngày đêm;

3.2.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng.

4.1. Khu trung tâm xã: Trên cơ sở các công trình công cộng hiện có xây dựng khu trung tâm xã khang trang có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng phục vụ nhân dân. Hiện nay các công trình công cộng điển hình mang tính chất trung tâm xã nằm rải rác dọc theo QL217 kéo dài khoảng 1km, bao gồm: Công sở, trường học, trạm y tế, chợ...

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Giữ nguyên theo hiện trạng dân cư 7 thôn hiện có; Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan nhà ở dân cư và cảnh quan thôn, xóm.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ.

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a. Ngành trồng trọt.

- Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*). Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 là 273,78 ha.

- Khu vực trồng trọt các loại cây khác bao gồm: Ngô, sắn-khoai lang, lạc, vừng và các loại cây rau màu có hiệu quả cao được thực hiện trên các ruộng cạn. Diện tích đất trồng trọt khác đến năm 2030 là 160,98 ha.

b. Ngành chăn nuôi: Duy trì và phát triển đàn trâu, bò, đàn lợn, dê, đàn gia cầm...

c. Ngành thủy sản: Tăng diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 lên 7,93ha.

4.3.2. Khu vực thương mại - dịch vụ

Quy hoạch mới đất dịch vụ thương mại tại các thôn Chén, thôn Chiềng Đông, thôn Vàn Thung với tổng diện tích 5,07ha (nâng tổng diện tích đất dịch vụ thương mại đến năm 2030 lên 5,47ha). Xây dựng các cửa hàng thân thiện thu hút khách tạo thành điểm dừng nghỉ chân tin cậy cho các loại phương tiện trên đường QL217.

4.3.3. Khu vực khai thác khoáng sản: Trong kỳ, quy hoạch mới khu đất khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng tại thôn Chiềng Đông (khai thác mỏ đất tại đồi Mít) với diện tích 6,12ha.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển.

Quy hoạch xây dựng của xã lớn phân bố ở tất cả các thôn, tùy theo nhu cầu cụ thể sẽ quy hoạch các khu vực xây dựng cho phù hợp.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp (*để ổn định sản xuất*) và các khu vực vùng xung quanh các hồ, sườn đồi (*khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn*).

- Vùng cấm xây dựng: Cấm xây dựng tại khu vực bảo các công trình đầu mối như: Đập thủy lợi, cống thoát nước...v.v; Khu vực thuộc hành lang an toàn giao thông; Khu vực bảo vệ công trình di tích.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng phát triển kinh tế.

Xét về mặt tổng quan, không gian kinh tế xã Cẩm Thạch được phân thành 2 khu vực phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên trục đường quốc lộ 217): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông lâm nghiệp.

5.2. Khu công sở xã: Mở rộng sang phần đất trường mầm non và nhà văn hóa, vị trí thôn Chiềng Đông, diện tích 5.374 m². Mật độ xây dựng ≤ 40%. Tầng cao 1-3 tầng.

5.3. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã, thôn.

a. Trung tâm văn hóa xã: Trung tâm văn hóa xã nằm trong khuôn viên công sở xã, đã đáp ứng được tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng.

b. Sân thể thao xã: Quy hoạch mới tại thôn Chiềng Đông, diện tích 7.977 m².

5.4. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Giữ nguyên vị trí, diện tích đất nhà văn hóa tại các thôn Chiềng Đông (1,3,4), thôn Vân Thung, thôn Chén, thôn Trảy (1), thôn Bùi, thôn Cốc, thôn Bẹt (2) (diện tích đã đạt yêu cầu quy định trong thiết chế văn hóa).

- Quy hoạch mới thêm 1 nhà văn hóa thôn Bẹt (3), diện tích 1.739 m².

- Mật độ xây dựng của các nhà văn hóa là ≤40%; Tầng cao 1 tầng.

b. Sân thể thao thôn: Giữ nguyên theo hiện trạng sân thể thao các thôn Bùi, thôn Vân Thung, thôn Bẹt; Quy hoạch mới nhà văn hóa thôn Trảy, diện tích 4.410 m².

5.5. Công trình y tế: Giữ nguyên theo hiện trạng tại thôn Vân Thung. Với diện tích 2.576 m². Mật độ xây dựng ≤40%. Tầng cao 1-3 tầng.

5.6. Chợ: Giữ nguyên theo hiện trạng tại thôn Chiềng Đông, diện tích 7.084 m².

5.7. Công trình giáo dục.

a. Trường mầm non:

- Điểm trường mầm non Cẩm Thạch 1(cũ), chuyển sang đất công sở xã; Điểm trường mầm non Cẩm Thạch 2 giữ nguyên hiện trạng tại thôn Bẹt, diện tích 3.550 m² và giữ nguyên điểm trường mầm non thôn Chiềng Đông(mới), diện tích 7.700 m². Mật độ xây dựng công trình ≤40%. Tầng cao 1- 3 tầng.

b. Trường tiểu học .

- Điểm trường tiểu học Cẩm Thạch I, giữ nguyên theo hiện trạng tại thôn Vàn Thung, diện tích 11.919 m²; Điểm trường tiểu học Cẩm Thạch II tại thôn Bẹt, chuyển sang đất nhà văn hóa thôn Bẹt 3.

c. Trường trung học cơ sở: Quy hoạch mở rộng trường THCS Cẩm Thạch tại thôn Chiềng Đông, diện tích lên 21.106 m². Mật độ xây dựng ≤40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

d. Trường trung học phổ thông Cẩm Thủy III: Giữ nguyên theo hiện trạng tại thôn Chiềng Đông, diện tích 29.334 m². Mật độ xây dựng ≤40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.8. Điểm bưu điện văn hóa xã: Được giữ nguyên vị trí tại thôn Chiềng Đông với diện tích 338 m². Mật độ xây dựng ≤40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.9. Trụ sở công an xã: Mở rộng vị trí cũ tại thôn Chiềng Đông, diện tích 1.109m². Mật độ xây dựng ≤40%. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.10. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo.

Trên địa bàn xã hiện nay có 7 thôn, khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng; Ban hành các quy định quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan chung.

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 6,64ha; Giai đoạn 2026 - 2030 diện tích tăng thêm khoảng 5,12ha; Mật độ xây dựng ≤ 60%. Không không chế tầng cao và hệ số sử dụng đất.

Tổng đất khu dân cư đến 2025 là: 157,49 ha; Tổng đất khu dân cư đến 2030 là: 162,61 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

a. Hệ thống giao thông nội đồng: Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, tiếp tục đầu tư cứng hóa các trục đường chính nội đồng.

b. Hệ thống kênh mương, hồ đập, cầu cống: Cải tạo nâng cấp hồ đập, kênh mương hiện có, xây mới kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất hiện đang là kênh đất nhằm chống ngập úng trong những trận mưa bão lớn, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Xây mới, nâng cấp hệ thống cầu để đảm bảo an toàn khơi thông dòng chảy.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a). Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Quốc lộ 217 qua xã có chiều dài 2,584 km; Lộ giới 42,0m; Nền đường 12,0 m; Ký hiệu QL217.

- Tỉnh lộ 523E qua địa bàn xã có chiều dài 0,526km; Lộ giới 42,0m; Nền đường 12,0 m; Ký hiệu ĐT 523E.

- Tỉnh lộ 518 (quy hoạch) đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 3,73km; Lộ giới 42,0m; Nền đường 12m; Ký hiệu ĐT 518- Quy hoạch.

- Đường huyện: gồm 2 tuyến, chiều dài 8,082 km; Lộ giới 27,0 m; Nền đường 7,0 m; Ký hiệu ĐH-15;ĐH-02.

b). Hệ thống giao thông đối nội.

- Đường trục xã: Bên cạnh nâng cấp mở rộng 4 tuyến đường hiện trạng, còn Quy hoạch thêm 5 tuyến đường trục xã mới để kết nối liên thông giữa các thôn trong xã thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Tổng chiều dài 15,133m. Quy mô mặt cắt ngang tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Mặt đường: 7,5m; Nền đường: 17,5m. Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

- Đường thôn: Nâng cấp, mở rộng 38 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài 15,551m. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp.

- Đường nội đồng: Nâng cấp, mở rộng 7 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài 2,920m; Nền đường 7,5m; Mặt đường 3,5m.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền.

- Tôn trọng địa hình tự nhiên; Cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên; Các khu xây dựng mới, cos nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cos nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Định hướng tiêu thoát nước: Điều kiện địa hình tự nhiên của xã Cẩm Thạch dốc dần theo hướng Nam - Bắc, nên quy hoạch hướng thoát nước chính từ Nam lên Bắc. Nước chảy theo các khe suối và hệ thống kênh mương dọc các tuyến đường chính chảy ra sông Mã.

6.2.3. Hệ thống cấp nước.

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước sạch tại thôn Chén, xã Cẩm Thạch 6.000 m³/ng.đ cấp đến các hộ dân. Mạng lưới đường ống cấp nước nội bộ được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D400, D300, tiết diện đường ống phụ D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm, nước mưa.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính >D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện.

- Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 10 trạm biến áp; đường dây trung thế 22KV. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất các trạm biến áp và xây dựng mới 3 trạm. Tổng công suất của các trạm biến áp quy hoạch đến năm 2030 là 3.530KVA.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a) Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất của xã Cẩm Thạch được thu gom về trạm xử lý nước thải đặt tại cánh đồng Thôn Chiềng Đông, công suất 1.296 m³/ngđ (theo quy hoạch vùng Cẩm Thủy đến năm 2030). Nước thải sau khi xử lý sẽ theo mương dẫn nước thải đổ ra sông Mã.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước thải về trạm xử lý, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b) Hệ thống rác thải.

- Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Rác thải trong sản xuất và sinh hoạt của xã được thu gom và chôn lấp tại bãi rác quy hoạch mới tại thôn Cốc, diện tích 1,22ha.

c. Quy hoạch nghĩa trang.

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường. Giai đoạn đến năm 2030 quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn Chiềng Đông 0,3 ha và nghĩa trang thôn Trảy 1,54 ha.

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng, cải tạo kiên cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.

- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có.

- Xây dựng mới nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, nhà văn hóa thôn.
- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có

7.2. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(Chi tiết có đồ án quy hoạch chung xây dựng kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Cẩm Thạch có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu, lưu trữ theo quy định và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030; trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quy hoạch được duyệt, để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND- UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Cẩm Thạch và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu VT, KTHT.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Hoài